TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1489/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2024.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Rồi.
2/ Ông Huỳnh Văn Bé.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1097/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 711/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 718/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 730/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1993.
Căn cước công dân số: 049193001411, cấp ngày 29/12/2022.
Địa chỉ: tổ D, thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.
* Bị đơn: Ông Hồ Văn C, sinh năm 1992;
Căn cước công dân số: 079092020329, cấp ngày 29/4/2021.
Thường trú: số A, đường số A, ấp B, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 17/9/2024 và lời khai của nguyên đơn, bà Nguyễn Hoàng L trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà và ông Hồ Văn C tìm hiểu nhau thời gian khoảng 04 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, cưới nhau năm 2018, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng một thời gian, sau đó xây nhà ra ở riêng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là giữa mẹ chồng nàng dâu, ông C không tôn trọng vợ, không công khai tài chính với vợ, hai vợ chồng thường xuyên không nói chuyện với nhau, có khi đến 06 tháng…. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nên nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Văn C.

Về con chung: có 01 con chung tên: Hồ Gia H, sinh ngày 23/6/2020. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: bản sao khai sinh con + Chứng minh nhân dân + hộ khẩu + giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy xác nhận đang làm việc, hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, giấy xác nhận nơi cư trú.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Văn C trình bày:

Quá trình kết hôn và chung sống đúng như những gì bà L vừa trình bày. Ông còn thương vợ, thương con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên: Hồ Gia H, sinh ngày 23/6/2020. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản tự khai, bản sao căn cước công dân.

Tại phiên Tòa:

Bà L trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn C; Về con chung: có 01 con chung tên: Hồ Gia H, sinh ngày 23/6/2020; Tôi yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tôi không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có.

Ông C trình bày: Tôi không đồng ý ly hôn với bà L, tôi còn thương vợ, thương con; Về con chung: có 01 con chung tên: Hồ Gia H, sinh ngày 23/6/2020; Tôi yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tôi không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hoàng L và ông Hồ Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116, ngày 06/6/2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông C là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà L thì mâu thuẫn giữa bà với ông C là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân do ông C không tôn trọng vợ, không công khai tài chính với vợ, hai vợ chồng thường xuyên không nói chuyện với nhau có khi đến 06 tháng, ông C không dung hòa được mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu,… Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông C không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Nguyễn Hoàng L và ông Hồ Văn C có 01 con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 23/6/2020. Bà L và ông C đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Sau khi xem xét tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến nội dung vụ án tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Trẻ Hồ Gia H còn quá nhỏ và hiện đang ở với bà Nguyễn Hoàng L, sinh hoạt, phát tiển bình thường; Điều kiện của bà L về nhà ở và kinh tế đảm bảo đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là trẻ Hồ Gia H, sinh ngày 23/6/2020 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L là không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hoàng L và ông Hồ Văn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Hoàng L và ông Hồ Văn C cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hoàng L được ly hôn với ông Hồ Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 116, ngày 06/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà L và ông C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 23/6/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng, nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng, nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Hoàng L phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016234 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hùng Vương